

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 133/2023/DS-ST

Ngày: 12-7-2023

V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Quốc Việt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Hoàng Mai

2. Ông Lý Tuấn Phong

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Võ Ngọc Mến - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 72/2023/TLST-DS ngày 27 tháng 02 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 231/2023/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần B1

Địa chỉ đăng ký: Tầng 1,2,3,4,5,6 tòa nhà T, số B đường T, phường T, Quận H, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Địa chỉ liên hệ: Số A T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Điện thoại: 0919.845.485.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức T - Chủ tịch hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP B1.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Mai Đức M - Giám đốc Ngân hàng TMCP B1.

Người được ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Trần Quốc C (theo Giấy ủy quyền số 10301/2023/UQ-LienVietPostBank.AG ngày 31/01/2023). (có mặt)

Điện thoại 0919.845485

2. Bị đơn:

2.1 Ông Lê Văn M1, sinh năm 1954.

2.2 Bà **Đỗ Thị N**, sinh năm 1954.

Cùng địa chỉ: **Số C, đường H, khóm G, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang**. Điện thoại: 0939.363.377; 0939.909.416

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1 Bà **Lê Thị Thanh L**, sinh năm 1988.

3.2 Ông **Đặng Tấn L1**, sinh năm 1988.

3.3 **Lê Linh C1**, sinh năm 2012 (con của ông **L1**, bà **L**).

3.4 **Lê Gia B**, sinh năm 2020 (con của ông **L1**, bà **L**)

- Người đại diện theo pháp luật cho cháu **C1, B**: Ông **Đặng Tấn L1**, bà **Lê Thị Thanh L** – cha mẹ ruột các cháu.

Cùng địa chỉ: **Số D, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang**.

3.5 Bà **Lê Thị K**, sinh năm 1937.

3.6 Ông **Nguyễn Thành Đ**, sinh năm 1977.

3.7 Ông **Nguyễn Tấn T1**, sinh năm 1968.

3.8 Bà **Nguyễn Thị C2**, sinh năm 1971.

3.9 Ông **Nguyễn Tấn V**, sinh năm 1991.

3.10 Cháu **Nguyễn Thị Ngọc N1**, sinh năm 2011.

3.11 Cháu **Nguyễn Hoàng Minh A**, sinh năm 2017.

- Người đại diện theo pháp luật cho cháu **N1, Minh A**: Ông **Nguyễn Tấn V** – cha ruột các cháu.

Cùng địa chỉ: **Số D, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang**.

3.12 Bà **Nguyễn Thị T2**, sinh năm 1961.

3.13 Ông **Nguyễn Chí H**, sinh năm 1981.

3.14 Bà **Nguyễn Thị Lan C3**, sinh năm 1983.

3.15 Ông **Nguyễn Minh L2**, sinh năm 1985.

3.16 Ông **Nguyễn Minh K1**, sinh năm 1988.

3.17 Bà **Nguyễn Thị Tuyết N2**, sinh năm 2005 .

3.18 Cháu **Nguyễn Thị Tuyết N3**, sinh năm 2009.

- Người đại diện theo pháp luật cho cháu **N2, N3**: Bà **Nguyễn Thị Lan C3** – mẹ ruột các cháu.

Cùng địa chỉ: **Số D, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang**.

(Tại phiên toà có mặt ông **C** đại diện nguyên đơn và Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà **C3**, bà **T2**; vắng mặt bị đơn và những Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan còn lại)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn, người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Ông **Lê Văn M1** và bà **Đỗ Thị N** có quá trình vay vốn và ký các hợp đồng tín dụng với **Ngân hàng B1 – Chi nhánh A1**. Ngày 24/7/2009 ký hợp đồng thế chấp số **HĐBĐ9102029579** để đảm bảo cho các khoản vay, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số **W31972**, số vào sổ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số **00079 QSDĐ/mA**, thửa số **57**, tờ bản đồ **099** do **UBND thành phố L** cấp ngày **08/01/2003**, hợp đồng thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày **24/7/2019** tại **Văn phòng Đ1 chi nhánh L3** để đảm bảo các khoản vay của ông **M1**, bà **N** tại Ngân hàng.

Ngày **11/7/2022** tiếp tục ký hợp đồng tín dụng số **HĐTD9102022708** và khế ước nhận nợ số **9102022708/001** ngày **14/7/2022**; thời hạn vay **11 tháng** (ngày giải ngân **14/7/2022**, ngày đến hạn **14/6/2023**); lãi suất **11.25%**; số tiền vay **2.000.000.000 đồng**; mục đích vay bổ sung nguồn vốn nuôi cá tra hằm. Sau khi nhận tiền vay, ông **M1** và bà **N** đã không thực hiện nghĩa vụ trả vốn, lãi theo hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ. Ông **M1**, bà **N** đã vi phạm Điều **7, 8** của hợp đồng nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu thanh toán vốn vay và lãi phát sinh, đến nay phía ông **M1**, bà **N** cũng không thực hiện việc thanh toán. Ngân hàng khởi kiện, yêu cầu:

Buộc ông **Lê Văn M1** và bà **Đỗ Thị N** có trách nhiệm trả cho **Ngân hàng thương mại cổ phần B1** (Do **Ngân hàng thương mại cổ phần B1 – Chi nhánh A1** đại diện nhận) số tiền vốn lãi tính đến ngày **12/7/2023** là **2.168.766.000 đồng** (Bằng chữ: Hai tỷ, một trăm sáu mươi tám triệu, bảy trăm sáu mươi sáu ngàn đồng). Trong đó: vốn: **2.000.000.000 đồng**; lãi trong hạn và quá hạn **168.766.000 đồng**. Ngân hàng có trách nhiệm trả lại tài sản thế chấp khi ông **M1**, bà **N** đã thanh toán dứt điểm số tiền nợ.

Ông **Lê Văn M1** và bà **Đỗ Thị N** có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày **13/7/2023** đến khi trả dứt điểm số tiền vay theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số **HĐTD9102022708** ngày **11/7/2022** và khế ước nhận nợ số **9102022708/001** ngày **14/7/2022**, cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Trường hợp ông **Lê Văn M1** và bà **Đỗ Thị N** không thanh toán khoản nợ theo hợp đồng tín dụng và kế ước nhận nợ nói trên thì tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số **00079 QSDĐ/mA**, diện tích **362 m²**, thửa số **57**, tờ bản đồ **099** do **UBND thành phố L** cấp ngày **08/01/2003** mang tên ông **Lê Văn M1**; Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số **5001110125** do **UBND thành phố L** cấp ngày **30/01/2003** mang tên ông **Lê Văn M1**, bà **Đỗ Thị N** được xử lý theo quy định tại Điều **299** và Điều **303** của Bộ luật Dân sự năm **2015** để đảm bảo thi hành án.

Bị đơn vắng mặt trong quá trình tố tụng và không có văn bản trình bày ý kiến:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà T2, bà C3 có mặt tại phiên toà không có ý kiến, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác vắng mặt tại phiên toà không có văn bản trình bày ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tiếp tục duy trì tài sản thế chấp để đảm bảo thi hành án theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, nghe lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn, đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn xác lập hợp đồng và có nơi cư trú tại thành phố L, tỉnh An Giang. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Ngân hàng đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ của ông M1, bà N theo địa chỉ được ghi trong hợp đồng bằng văn bản do ông M1, bà N xác lập được coi là đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bị đơn theo quy định tại Điều 5, Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[1.3] Bị đơn; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ngày 11/7/2022 ông M1, bà N ký hợp đồng tín dụng số HĐTD9102022708, khế ước nhận nợ số 9102022708/001 ngày 14/7/2022 để vay số tiền vốn 2.000.000.000 đồng; thời hạn vay 11 tháng (ngày giải ngân 14/7/2022, ngày đến hạn 14/6/2023); lãi suất 11.25%; mục đích vay bổ sung nguồn vốn nuôi cá tra hầm. Sau khi nhận tiền vay, ông M1, bà N đã không thực hiện nghĩa vụ trả vốn, lãi theo thỏa thuận, đến nay số tiền vốn, lãi trong hạn và quá hạn vẫn không thanh toán. Ông M1, bà N đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay nên phải có nghĩa vụ trả vốn và lãi theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng

[2.2] Ông **Lê Văn M1** và bà **Đỗ Thị N** ký các hợp đồng tín dụng vay vốn với **Ngân hàng B1 – Chi nhánh A1**. Ngày 24/7/2009 ký hợp đồng thế chấp số HDBĐ9102029579 để đảm bảo cho các khoản vay, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số W31972, số vào sổ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00079 QSDĐ/mA, diện tích 362 m², thửa số 57, tờ bản đồ 099 do **UBND thành phố L** cấp ngày 08/01/2003, hợp đồng thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 24/7/2019 tại **Văn phòng Đ1 chi nhánh L3**. Hợp đồng thế chấp về hình thức và nội dung phù hợp quy định pháp luật, có đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định tại Điều 188 Luật đất đai nên có hiệu lực pháp luật. Trường hợp ông **M1**, bà **N** không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì tài sản thế chấp sẽ được xử lý theo quy định tại Điều 299 và Điều 303 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.3] Căn cứ biên bản xem xét thẩm định tại chỗ trên phần đất ông **M1**, bà **N** thế chấp cho Ngân hàng còn có các tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Trường hợp ông **M1**, bà **N** và Ngân hàng thỏa thuận Ngân hàng được bán tài sản bảo đảm là quyền sử dụng diện tích đất mà trên đất có nhà thuộc sở hữu của người khác không phải là người sử dụng đất thì dành cho chủ sở hữu nhà đó được quyền ưu tiên nếu họ có nhu cầu mua (nhận chuyển nhượng).

[3] Về chi phí tố tụng:

Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên ông **M1**, bà **N** có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng số tiền 400.000 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ngân hàng thương mại cổ phần B1 được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp. Ông **M1**, bà **N** có trách nhiệm liên đới nộp án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 227; Điều 228; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 470 Bộ luật dân sự;

- Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

- Án lệ số 11/2017/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 14 tháng 12 năm 2017 và được công bố theo Quyết định số 299/QĐ-CA ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

- Điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 05 năm 2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần B1.

Buộc ông Lê Văn M1 và bà Đỗ Thị N có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần B1 (Do Ngân hàng thương mại cổ phần B1 – Chi nhánh A1 đại diện nhận) số tiền vốn lãi tính đến ngày 12/7/2023 là 2.168.766.000 đồng (Bằng chữ: Hai tỷ, một trăm sáu mươi tám triệu, bảy trăm sáu mươi sáu ngàn đồng). Trong đó: vốn: 2.000.000.000 đồng; lãi trong hạn và quá hạn 168.766.000 đồng. Ngân hàng có trách nhiệm trả lại tài sản thế chấp khi ông M1, bà N đã thanh toán dứt điểm số tiền nợ.

Ông Lê Văn M1 và bà Đỗ Thị N có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 13/7/2023 đến khi trả dứt điểm số tiền vay theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số HĐTD9102022708 ngày 11/7/2022 và khế ước nhận nợ số 9102022708/001 ngày 14/7/2022, cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Trường hợp ông Lê Văn M1 và bà Đỗ Thị N không thanh toán khoản nợ theo hợp đồng tín dụng và kế ước nhận nợ nói trên thì tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00079 QSDĐ/mA, diện tích 362 m², thửa số 57, tờ bản đồ 099 do UBND thành phố L cấp ngày 08/01/2003 mang tên ông Lê Văn M1; Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 5001110125 do UBND thành phố L cấp ngày 30/01/2003 mang tên ông Lê Văn M1, bà Đỗ Thị N được xử lý theo quy định tại Điều 299 và Điều 303 của Bộ luật Dân sự năm 2015 để đảm bảo thi hành án.

Trường hợp ông M1, bà N và Ngân hàng thỏa thuận Ngân hàng được bán tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất, sở hữu nhà nêu trên để thanh toán khoản tiền vay, thì dành cho chủ sở hữu có nhà trên đất được quyền ưu tiên mua nếu họ có nhu cầu nhận chuyển nhượng.

[2] Về chi phí tố tụng:

Ông Lê Văn M1, bà Đỗ Thị N có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần B1 (Do Ngân hàng thương mại cổ phần B1 – Chi nhánh A1 đại diện nhận) số tiền 400.000 đồng (bốn trăm ngàn đồng)

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông M1, bà N có trách nhiệm liên đới nộp 75.375.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu, ba trăm bảy mươi lăm nghìn) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng thương mại cổ phần B1 được nhận lại 36.371.076 đ (Ba mươi sáu triệu, ba trăm bảy mươi một ngàn, không trăm bảy mươi sáu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001371 ngày 27/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

[4] Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên

án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Đã giải thích điều 26 Luật thi hành án)

Nơi nhận:

- Các đương sự “Đề thi hành”;
- VKSND – TPLX;
- TAND tỉnh An Giang;
- THADS TPLX;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Minh Quốc Việt